

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: VÌ SAO VẪN CÒN LÀ VÙNG TRƯNG HỌC VẤN?

Lê Anh Tuấn
Đại học Cần Thơ

1. Bối cảnh tự nhiên và lịch sử giáo dục

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất thấp nhất Việt Nam, vùng đất này có cao độ trung bình mặt đất tự nhiên chỉ vượt hơn mực nước biển khoảng 1 – 2 mét, được xem là vùng đất ngập nước lớn nhất Việt Nam. Vùng đất phương Nam này thật sự có người dân đến cư trú, canh tác, lập nên hành chính và giao thương chỉ khoảng độ hơn 300 năm trước. Theo Trịnh Hoài Đức (1963) trong tài liệu *Gia Định thành thông chí*, những người Việt Nam tiên phong đến di dân lập ấp, khai phá và định cư vùng Đồng bằng Sông Cửu Long này phổ biến vào khoảng thập niên 1630. Hầu hết họ là các người di dân gốc gác là giới bần nông, thợ thủ công nghèo vùng Bắc Trung bộ, không đất đai canh tác, vướng vào nợ nần, bắt chí hoặc là can phạm bỏ trốn vào Nam. Ngoài ra, còn có một số binh lính và quan lại được triều đình Huế bổ nhiệm vào trấn giữ và lập nên hành chính trong chính sách mở rộng bờ cõi về phương Nam của nhà Nguyễn. Địa hình vùng Đồng bằng cách trở sông nước, nhiều đầm lầy, nước phèn mặn, rừng rậm, thú dữ, muỗi mòng, bệnh tật,... Hoàn cảnh di dân đến đất mới còn hoang vắng, nền hành chính sơ khai, phải lo an sinh, chống chọi với sự khắc nghiệt thiên nhiên. Hai yếu tố địa hình và hoàn cảnh xã hội là đặc điểm chính đã hạn chế nền tảng học vấn của cộng đồng nói chung từ xưa.

Nhìn lại lịch sử phát triển giáo dục ở vùng phương Nam của đất nước, dễ nhận thấy vùng ĐBSCL có một hệ thống giáo dục chậm trễ nhất và số lượng trường lớp rất ít ỏi. Triều đình nhà Nguyễn khi thành lập vùng lục tỉnh, hệ thống dinh điền với mục đích hình thành nền hành chính sơ khai và trấn giữ đất đai, mở rộng dân bờ cõi, do vậy việc học hành cho dân chúng cũng ít được chú ý. Kỳ thi Hương cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn được tổ chức ở huyện Vĩnh Định, tỉnh An Giang (là Cần Thơ hiện nay) thuộc Nam kỳ Lục tỉnh là năm 1864. Trước đó, năm 1861 sau khi chiếm thành Gia Định, thực dân Pháp đã thành lập trường thông ngôn với tên gọi *Collège annamite-français d'Adran* vừa dạy cho người Việt học tiếng Pháp và người Pháp học tiếng Việt. Ngày 17/3/1879, thống đốc Nam Kỳ Jules Lafont đã ký nghị định thành lập Sở Học Chánh Nam Kỳ và tổ chức hệ thống giáo dục Pháp Việt. Trước đó, năm 1878, người Pháp đã ban hành nghị định là bắt đầu từ năm 1882 tất cả các công văn, báo chí và giấy tờ giao dịch chính thức ở Nam kỳ là bằng chữ La-tinh (thể hiện bằng tiếng Pháp và tiếng Việt), xem như chữ Hán Nôm bị chính thức xóa bỏ trong nền hành chính và giáo dục. Trường Trung học đầu tiên ở vùng Nam Kỳ được chính thức thành lập là trường Trung học Mỹ Tho (lúc đó có tên là *Collège de My Tho*), ngày thành lập là 14/6/1880. Đến 37 năm sau, năm 1917, Nam kỳ mới có một trường trung học thứ hai, nhưng vẫn là một chi nhánh của trường Trung học Mỹ Tho, là trường Trung học Cần Thơ với tên gọi *Collège de Can Tho*, nhưng chỉ dạy ở chương trình bổ túc tiểu học (*Cours de Complémentaire*), muốn học cao hơn, học sinh phải khăn gói sang Mỹ Tho để học tiếp. Đến niên học 1924-1926, *Collège de Can Tho* mới chính thức tách ra khỏi trường Trung học Mỹ Tho. Ngày 20/2/ 1906, Toàn quyền Đông Dương ra quyết định thành lập trường Cơ khí Á Châu, người dân quen tên là trường Bá Nghệ (sau là trường Kỹ thuật Cao Thắng), được xem là trường dạy nghề đầu tiên ở Nam Bộ, nhưng đặt ở Saigon. Ở bậc Đại học, trường Đại học Cần Thơ là trường đại học đầu tiên ở vùng ĐBSCL, được thành lập từ năm 1966. Mãi đến 33 năm sau, vùng Đồng bằng này mới có trường đại học thứ hai, trường Đại học An Giang, chính thức thành lập năm 1999.

2. Từ các số liệu thống kê chính thức

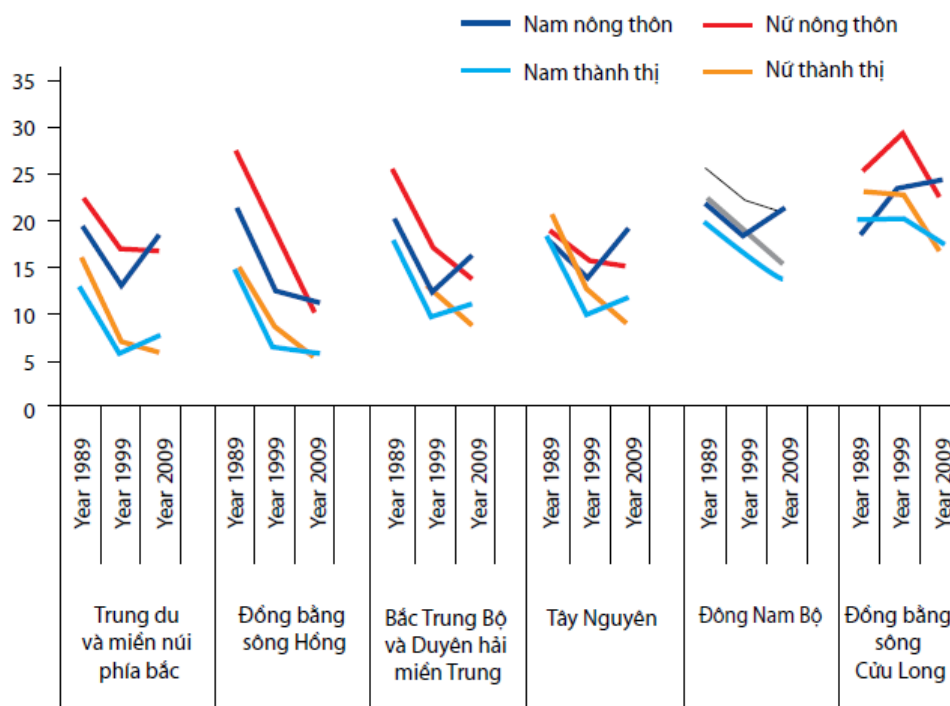
Để có một cái nhìn tổng thể mang tính so sánh số liệu giáo dục và đào tạo giữa các vùng miền, Bảng 1 cho số liệu từ Tổng cục Thống kê theo tỷ lệ học vấn giữa các vùng miền, cho thấy vùng ĐBSCL quả thật là vùng trũng của giáo dục, khi tất cả cấp đào tạo đều chiếm tỷ lệ thấp nhất, dưới cả vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên của miền Trung Việt Nam.

Bảng 1: Tỷ lệ (%) trình độ học vấn cao nhất theo dân số có tuổi trên 15 theo các vùng miền

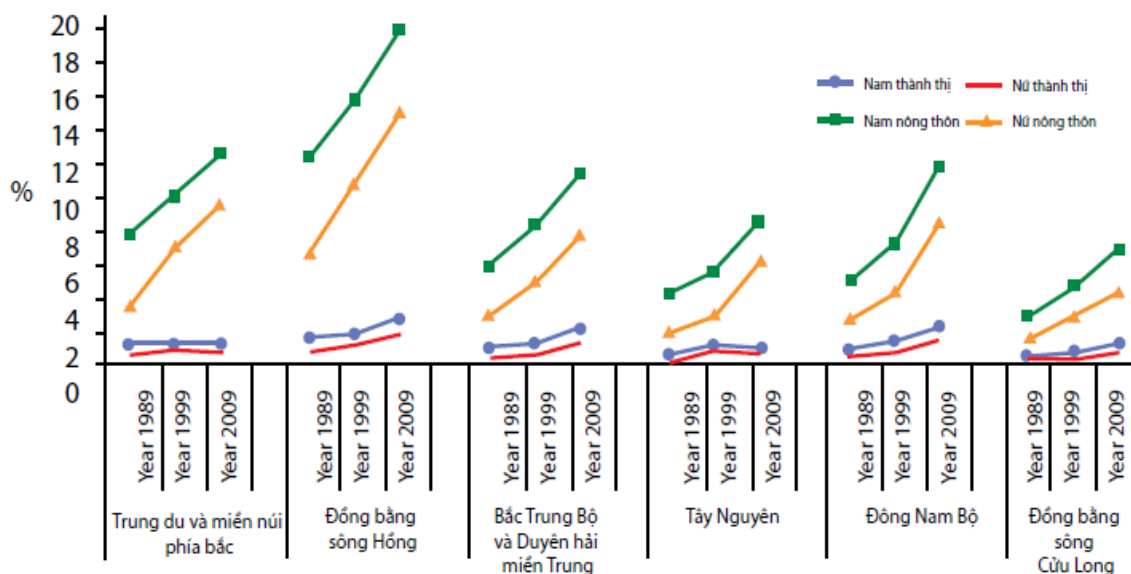
Vùng \ Cấp học	Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng Sông Hồng	Bắc và Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Sơ cấp	2,4	3,5	2,1	1,9	3,6	1,4
Trung học	6,4	6,8	4,8	3,8	3,8	2,2
Cao đẳng	1,8	2,3	1,7	1,3	1,6	0,9
Đại học	2,7	6,3	3,4	2,8	6,3	2,0
Trên đại học	0,1	0,5	0,1	0,1	0,3	0,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2009)

Theo kết quả báo cáo của Tổng cục Thống kê căn cứ vào Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, vùng ĐBSCL có tỉ lệ trẻ từ 5 – 18 bỏ học cao nhất (hình 1). Đối với cấp học cao hơn, cần trình độ kỹ thuật và quản lý, thì vùng ĐBSCL lại có tỷ lệ dân số có độ tuổi trên 15 đạt trình độ tốt nghiệp cao đẳng trở lên thấp nhất nước (hình 2). Tỷ lệ cao nhất dân số trên 15 tuổi chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật – quản lý thuộc về ĐBSCL, đến 93,4%. Trong khi đó vùng Đồng bằng Sông Hồng là 80,6%, so với tỷ lệ trung bình các vùng miền của cả nước là 86,7%. Thống kê gần nhất về trường nghề thì ĐBSCL cũng mới có 12 trường cấp vùng và 49 trung tâm dạy nghề cấp huyện, tỷ lệ học sinh học dài hạn và ngắn hạn trường nghề thuộc loại thấp nhất cả nước.



Hình 1: Tỷ lệ dân số từ 5-18 tuổi bỏ học theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội, 1989-2009 (Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2009)



Hình 2: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và các vùng kinh tế - xã hội, 1989-2009 (Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2009)

3. Phân tích nguyên nhân hạn chế giáo dục

Nhìn chung ở Việt Nam, khi phân tích tương quan dựa số liệu thống kê giữa điều kiện kinh tế và vấn đề phổ cập giáo dục cho thấy thường khu vực nào có tỷ lệ nghèo cao ở Việt Nam thì cũng là nơi có tỷ lệ dân số đi học thấp, điển hình như vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, điều này không hẳn đúng cho vùng ĐBSCL, nơi có thu nhập ở mức Trung bình – Cao, chỉ sau vùng Đông Nam bộ và vùng Đồng bằng Sông Hồng và tỷ lệ hộ nghèo cũng ở mức Thấp – Trung bình nhưng trình độ học vấn ở tất cả cấp học đều thấp nhất so với cả nước. Như vậy, đối với vùng ĐBSCL trù phú và nhiều tiềm năng, tình trạng nghèo đói của một bộ phận người dân không hẳn là nguyên nhân chính cho sự hạn chế giáo dục, mà có thể do yếu tố tâm lý xã hội và do chính sách đầu tư giáo dục.

Về tâm lý xã hội, từ khi người Việt Nam từ miền Trung đến khẩn hoang và định cư vùng phương Nam vào thế kỷ thứ 17 đến nay, những bậc tiền bối xưa đã phải chật vật, chống chịu với thiên nhiên đầy thử thách do đây làm vùng đầm lầy, rừng rậm, nhiều thú dữ, đi lại cách trở sông nước. Tâm lý của người di dân là mong muốn an cư lạc nghiệp, ít nhiều có tính trọng nghĩa khinh tài không đặt nặng mục tiêu học hành cao, đỗ đạt khoa bảng. Đến lúc xã hội tương đối tạm ổn, thì chính sự hào phóng, dễ dãi dần dần đã hình thành một tính cách riêng biệt vùng miền Nam cộng thêm sự sung túc, dư dả về tài nguyên thiên nhiên đã dần dần tạo nên một nếp nghĩ an phận, thiên về nghề nông nghiệp và thương mại, ít chú ý đến sự phát triển giáo dục mặc dầu người dân phương Nam rất nhạy bén và thích nghi nhanh với mọi hoàn cảnh. Tính cách này vẫn còn tồn tại đến hiện nay, tuy nhiên hiện nay nhiều người nông dân cũng đã từ từ ý thức được việc học hành cho tương lai con cháu, vùng ĐBSCL có rất nhiều điển hình người dân hiến đất làm trường học hoặc tài trợ cho các học sinh nghèo học giỏi, nhưng các chính sách giáo dục vẫn chưa thực sự là đòn bẩy thúc đẩy việc phát triển đào tạo trong khu vực.

Về chính sách đầu tư cho giáo dục, chủ trương chung của chính phủ là đầu tư giáo dục từ ngân sách thường dựa vào số đầu học sinh đang học ở mỗi cấp, nếu theo cơ sở này để tính toán thì vùng ĐBSCL rơi vào mức đầu tư thấp nhất nếu chia cho bình quân tổng dân số (xem bảng 2). Trong khi đó, điều kiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị giáo dục ở ĐBSCL rất thiếu

thốn và nghèo nàn. Ngoài ra, do đặc điểm nền địa chất yếu và nguồn vật liệu xây dựng vật chỗ hạn chế nên kinh phí xây dựng ở vùng ĐBSCL thường cao hơn. Đến nay (2013), chưa có tỉnh nào ở ĐBSCL được công nhận là đã phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Nếu phân tích thêm tỷ lệ giáo viên ở các cấp và tỉ lệ dân có trình độ trên Đại học thì cũng dễ thấy vùng ĐBSCL quả là “vùng trũng giáo dục” so với cả nước. Tình trạng này kéo dài từ sau khi kết thúc chiến tranh đến nay gần như vẫn không có gì thay đổi.

Bảng 2: Tỷ lệ (%) học sinh theo học ở các cấp trên tổng số dân, phân theo vùng năm 2011

	Mẫu giáo	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học Phổ thông	Cao đẳng và Đại học
Đồng bằng Sông Hồng	4,35	7,16	5,27	3,37	4,49
Trung du và miền núi phía Bắc	4,89	8,59	5,96	3,01	1,33
Bắc và Duyên hải miền Trung	3,69	8,13	6,37	4,08	3,70
Tây Nguyên	4,37	10,58	7,39	3,65	1,89
Đông Nam Bộ	3,22	7,32	4,73	2,54	4,07
Đồng bằng Sông Cửu Long	2,79	8,66	5,15	2,26	0,83

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2011)

4. Giải pháp chiến lược cho phát triển giáo dục vùng ĐBSCL

Đã có khá nhiều hội thảo khoa học và các bài báo cảnh báo tình trạng còn thấp kém về giáo dục của vùng ĐBSCL so với cả nước. Trong khi đó, hầu hết ai cũng công nhận đây là vùng đồng bằng giàu tiềm năng, nhiều sáng tạo từ dân gian, vùng đóng góp sản lượng lương thực và thực phẩm cao nhất nước. Vậy giải pháp chiến lược nào vừa mang triết lý giáo dục, vừa có ý nghĩa thực tiễn cho sự nghiệp phát triển giáo dục cho vùng ĐBSCL? Giải pháp chính phải từ ở cấp chính quyền trung ương và địa phương.

- **Về phía chính quyền và các nhà quản lý giáo dục:** cần mạnh dạn đầu tư thật sự cho vấn đề giáo dục vùng ĐBSCL, xem đó là đầu tư thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội lâu dài cho đất nước. Vùng ĐBSCL phải có một cơ chế đặc biệt ưu tiên thật sự về tăng tỷ lệ đầu tư tài chính và con người, không nhất thiết phải theo một công thức phân bổ ngân sách chung cho cả nước, mà cần có một biệt lệ ít nhất kéo dài một đến hai thập kỷ. Nên có thêm cách chính sách ưu đãi về lương bổng cho con người ngành giáo dục để có thể lôi kéo thêm cho người tài giỏi làm giáo viên, coi trọng các phương pháp sư phạm tốt, sát với thực tiễn cả về đức dục, trí dục và thể dục. Trường lớp và trang thiết bị giáo dục cần đầu tư tốt hơn. Tất cả các khoa trương hình thức giả tạo trong thành tích và thi cử cần mạnh dạn xóa bỏ để trả về nền thực học và thực thi. Khuyết khích các sáng tạo mang tính nhân văn và dân chủ thực sự trong học đường. Cần có chính sách cường bức giáo dục và bao cấp giáo dục ít nhất đến bậc tiểu học và trung học cơ sở đối với các gia đình nghèo và người dân tộc trong khu vực. Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa giáo dục bằng nhiều hình thức như cho phép thành lập các Hội Đoàn hoạt động mang tính giáo dục như Hội Hướng đạo, Hội Thanh niên Tình nguyện, ... Không nên hiểu xã hội hóa là hình thức người dân phải có trách nhiệm đóng góp tài chính cho hoạt động giáo dục như là một nghĩa vụ bắt buộc.
- **Về phía gia đình:** xem giáo dục tốt ở gia đình là nền tảng phát triển của xã hội. Phụ huynh học sinh cần quan tâm hơn nữa việc học tập của con em và cần phối hợp tốt với nhà trường, Hội Phụ huynh Học sinh và các Hội Đoàn thiện nguyện khác. Cần phải cần dứt dần tình trạng trẻ em bỏ học sớm cho việc mưu sinh. Phụ huynh cần có sự vận động và trao đổi giữa các gia đình trong việc kiểm soát giáo dục con em.